

Số: 61/2025/QĐ-CTUBND

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền
quyết định quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 158/TTr-STC ngày 25 tháng 9 năm 2025 về việc ban hành Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng đã được Chủ tịch UBND thành phố kết luận thống nhất tại cuộc họp giao ban Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố vào ngày 07/10/2025 ;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND các cấp, Chủ tịch UBND các phường, xã, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thực hiện./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Kỳ Minh

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác
và xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2025/QĐ-CTUBND
ngày 10/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

a) Thẩm quyền quyết định giao tài sản quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6, Điều 44, khoản 1 Điều 65 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 186/2025/NĐ-CP).

b) Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ áp dụng đối với từng đối tượng khoán quy định tại khoản 2 Điều 8, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác quy định tại khoản 3 Điều 10, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng các tài sản khác (không phải là nhà ở công vụ, máy móc, thiết bị và xe ô tô) quy định tại Điều 11, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

đ) Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14; điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

e) Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

g) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử dụng và không bao gồm trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn địa phương khác) quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

h) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử

dụng) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

i) Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

k) Thẩm quyền quyết định xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 13, khoản 3 Điều 47 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

l) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

m) Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

n) Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

o) Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

p) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc thành phố quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với:

a) Thẩm quyền quyết định giao tài sản phục vụ hoạt động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố gồm: nhà ở công vụ; máy móc, thiết bị và tài sản khác tại khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 10, Điều 11 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công và xử lý tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử dụng tại điểm c khoản 6 Điều 14, điểm c khoản 2 Điều 22; khoản 3 Điều 28, khoản 3 Điều 32 và khoản 3 Điều 34 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại khoản 3, khoản 9 Điều 14, điểm a khoản 9 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

đ) Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công, khai thác, xử lý tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

e) Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; quyết định khai thác, xử lý tài sản công tại các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 66 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

g) Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án đối với phương án điều chuyển tài sản trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, phương án xử lý tài sản theo hình thức khác quy định tại khoản 6 Điều 90 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

h) Thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

i) Các nội dung thuộc quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

3. Ngoài các nội dung tại Quy định này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết.

4. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước (gọi chung là cơ quan)

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, xã (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, xã), tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi chung là tổ chức).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là đơn vị).

4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp thẩm quyền quyết định

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; các Luật sửa đổi, bổ sung và các Nghị định quy định liên quan; phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước theo chức năng,

nhiệm vụ được giao. Việc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với quy định Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của thành phố.

2. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về tài sản công, tạo điều kiện đầy mạnh quy định về thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công cho Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước và của thành phố về quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II

GIAO, KHOÁN KINH PHÍ SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô (thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao tài sản là trụ sở làm việc cho cơ quan, tổ chức và cơ sở hoạt động sự nghiệp cho các đơn vị (không phân biệt cấp quản lý).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định giao xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi cấp mình quản lý và cho tổ chức cùng cấp.

2. Đối với tài sản tài sản công không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này (thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công)

a) Sở Tài chính quyết định giao tài sản công cho cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu (gọi chung là phường, xã).

b) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao tài sản công cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ

1. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức khoán cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng khoán của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở kết quả khảo sát giá, báo giá hoặc thẩm định giá, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán ngân sách được giao của cơ quan, đơn vị.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định mức khoán cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng khoán của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở kết quả khảo sát giá, báo giá hoặc thẩm định giá, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán ngân sách được giao của cơ quan, đơn vị.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và các tài sản khác

1. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đối tượng và mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý theo danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được xác định theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản khác (không phải là nhà ở công vụ, máy móc, thiết bị và xe ô tô) của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo theo nguyên tắc quy định tại Điều 7 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Chương III

KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG

TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên)

1. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định khai thác tài sản công của cơ quan mình và cơ quan thuộc phạm vi quản lý, gồm:

a) Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan nhà nước.

b) Kho lưu trữ, kho bảo quản, phòng họp, phần diện tích sử dụng chung thuộc trụ sở làm việc; phần diện tích cơ quan nhà nước được giao quản lý cao

hơn so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc theo quy định của Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

c) Tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan; phòng truyền thống của cơ quan.

2. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định khai thác tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, gồm:

a) Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Kho lưu trữ, kho bảo quản, phòng họp, phần diện tích sử dụng chung thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp; phần diện tích đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý cao hơn so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định của Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

c) Tài sản là phòng thí nghiệm, thiết bị thí nghiệm và các máy móc, thiết bị, tài sản khác phục vụ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo điểm b khoản 9 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp; phòng truyền thống của đơn vị.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định khai thác tài sản công theo khoản 2 Điều này đối với tài sản công được giao quản lý, sử dụng trực tiếp.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị mình và thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định.

Chương IV

XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô thuộc các trường hợp phải thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị (không phân biệt cấp quản lý, bao gồm tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử dụng trực tiếp).

b) Sở Tài chính quyết định thu hồi xe ô tô của các cơ quan, đơn vị (không phân biệt cấp quản lý, bao gồm tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử dụng trực tiếp).

2. Đối với tài sản công thuộc các trường hợp phải thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô):

a) Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân các phường, xã và tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử dụng trực tiếp.

b) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định thu hồi đối với tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị đặt trên địa bàn tỉnh/ thành phố khác (nếu có).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công từ cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố sang cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô của các cơ quan, đơn vị (không phân biệt cấp quản lý, bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử dụng trực tiếp).

b) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô) của cơ quan, đơn vị mình và của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị (không phân biệt cấp quản lý, bao gồm cả tài sản do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử dụng trực tiếp).

b) Thẩm quyền quyết định điều chuyển xe ô tô:

b1) Sở Tài chính quyết định điều chuyển xe ô tô

Giữa các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (bao gồm xe ô tô của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố), đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã.

Giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các phường, xã (không cùng một cơ quan quản lý cấp trên).

b2) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định điều chuyển xe ô tô giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản (nếu có).

c) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô):

c1) Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công:

Do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử dụng trực tiếp sang các cơ quan, đơn vị (không phân biệt cấp quản lý).

Giữa các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (bao gồm Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố), đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã.

Giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các phường, xã (không cùng một cơ quan quản lý cấp trên).

c2) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản (nếu có).

3. Quy định về điều chuyển tài sản công tại Điều này không áp dụng đối với điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công (được quy định tại Điều 12).

Điều 11. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định

1. Đối với tài sản thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (tài sản công bị thu hồi được xử lý theo hình thức bán): Cơ quan có thẩm quyền thu hồi tài sản công quy định tại Điều 9 là cơ quan quyết định bán (trừ tài sản công có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập).

2. Đối với tài sản thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (tài sản công không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi về tổ chức hoặc thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nguyên

nhân khác mà không xử lý theo hình thức thu hồi hoặc điều chuyển) và tài sản theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (tài sản thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản công):

a) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định bán tài sản công là tài sản cố định của cơ quan mình, cơ quan thuộc phạm vi quản lý và tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình theo đúng quy định theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

3. Quy định bán tài sản công tại Điều này không áp dụng đối với:

a) Tài sản công là đất, tài sản gắn liền với đất.

b) Tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

c) Vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công (được quy định tại Điều 12).

Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công

a) Sở Tài chính quyết định điều chuyển:

a1) Vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử dụng trực tiếp sang các cơ quan, đơn vị (không phân biệt cấp quản lý).

a2) Vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (bao gồm Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố), đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của đơn vị mình sang cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các phường, xã.

c) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang Ủy ban nhân dân phường, xã.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

2. Thẩm quyền quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công

a) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của cơ quan mình và cơ quan thuộc phạm vi quản lý theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại đơn vị có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản; vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản và thực hiện quy trình xử lý theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Đối với tài sản công là tài sản gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc; tài sản gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thanh lý đối với tài sản công là tài sản gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc của các cơ quan thuộc phạm vi cấp mình quản lý.

b) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định thanh lý đối với tài sản gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý đối với tài sản gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp được giao quản lý, sử dụng trực tiếp có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

2. Đối với xe ô tô:

a) Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với xe ô tô của các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân các phường, xã và xe ô tô có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, xe ô tô có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định thanh lý xe ô tô của cơ quan thuộc phạm vi quản lý và xe ô tô có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, xe ô tô có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với tài sản công không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này:

a) Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định của cơ quan mình và cơ quan thuộc phạm vi quản lý theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với tài sản được giao quản lý, sử dụng trực tiếp có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

4. Quy định thanh lý tài sản công tại Điều này không áp dụng đối với:

a) Tài sản công là tài sản gắn liền với đất nếu thực hiện thanh lý theo hình thức bán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 14. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi cấp mình quản lý.

2. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tiêu hủy tài sản công (trừ tài sản thuộc quy định tại khoản 1 Điều này) tại cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục tiêu hủy tài sản công.

3. Quy định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại Điều này không bao gồm tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 15. Thẩm quyền xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với:

- a) Tài sản gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, xe ô tô của cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi cấp mình quản lý.
- b) Tài sản gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô của các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình.
- c) Tài sản công có nguyên giá từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi cấp mình quản lý.

2. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, đối với:

- a) Tài sản gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
- b) Tài sản công có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) của cơ quan mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

5. Việc xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại Điều này không bao gồm tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định việc sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi cấp mình quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư.

Chương V

QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 17. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý cấp thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân phường, xã.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố có trách nhiệm:

a) Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công tiết kiệm, có hiệu quả và đúng quy định của Nhà nước.

c) Triển khai thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại Quy định này và quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật có liên quan.

d) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thực hiện đầu tư xây dựng và các hình thức xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

đ) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí tài sản công.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với tài sản công trên địa bàn thành phố theo quy định của Luật Quản lý và sử dụng tài sản công.

b) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thực hiện việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố và quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

c) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu triển khai thực hiện việc đăng ký, kê khai tài sản công; thực hiện chế độ báo cáo và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp. Đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố phương án quản lý, sử dụng tài sản công trong việc quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo quy định.

đ) Nâng cao trách nhiệm, chất lượng thẩm định dự toán chi thường xuyên trong công tác xây dựng dự toán; kiểm tra về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan.

4. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu quản lý về lĩnh vực tài chính - kế hoạch tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo các nội dung tại khoản 2 Điều này đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn thành phố kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.